

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 05-3-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Phong Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 695/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; nơi cư trú: Số 23/30 M.H.X, phường D.H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23/30, M.H.X, phường D.H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 05 tháng 12 năm 2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh Nguyễn Quang T từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến ngày 06 tháng 11 năm 2003 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá

trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, cách nghĩ nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều song không có kết quả. Tháng 9 năm 2019 anh T bị Công an thành phố Hải Phòng bắt giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản”, sau đó tháng 01 năm 2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng xử phạt anh T 14 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nêu trên. Hiện anh T đang bị giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 11/02/2002. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quang T vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng vào ngày 09/01/2020, anh T trình bày: Anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và anh chị T phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân do bất đồng quan điểm như chị T trình bày là đúng. Nay chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết ly hôn đối với anh, anh T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh T từ chối ký biên bản lấy lời khai trên.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 11/02/2002. Ly hôn anh T đề nghị giao con chung cho ông bà nội (là bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn T) trực tiếp nuôi dưỡng vì lý do chị T không có điều kiện kinh tế để nuôi con, còn anh đang phải chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Quang T cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang T; về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 11/02/2002, tại thời điểm xét xử - Ngày 05/3/2020 cháu Nguyễn Tiến T đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị HĐXX xem xét về việc nuôi dưỡng con chung; về chia tài sản: Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xin xác nhận tạm trú thể hiện anh Nguyễn Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 23/30 M.H.X, phường D.H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Quang T vắng mặt, song anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Quang Thắng.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T, sinh năm 198A và anh Nguyễn Quang T, sinh năm 198B kết hôn với nhau, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 11 năm 2003. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống, theo chị T trình bày: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình

bày trong đơn là đúng. Nay Chị T xin ly hôn anh T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua điều tra xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, hiện anh T đang phải chấp hành án (14 năm tù) tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, bởi vậy yêu cầu của chị T được xin được ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với qui định tại các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh T cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 11/02/2002 Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử - Ngày 05/3/2020, con chung là cháu Nguyễn Tiến T đã đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[6] Về chia tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc phân chia tài sản chung giữa hai bên.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quang T.
- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được tình trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số số 0013690 ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS quận Lê Chân;
- UBND p. Dư Hàng,  
Q.Lê Chân,TP. Hải Phòng  
(GCNKH 06/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Phong Lan**